

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Trần Thị Đổi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tú –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1457/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(bà P có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày tóm tắt như sau: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2004 bà và ông Lê Ngọc T đã xác lập quan

hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2004. Vợ chồng chung sống được 20 năm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà P và ông T có 02 con chung tên Lê Thu T1, sinh ngày 15/10/2005 và Lê Bảo H, sinh ngày 31/3/2010. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Bảo H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị P xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc Thanh vắng M trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2025 của cháu Lê Bảo H có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được sống với mẹ.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Lê Ngọc T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà P nhưng ông T không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc Thanh vắng M lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà P và xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị P bận đi làm nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Ngọc T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện

Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: bà Nguyễn Thị P bận đi làm và có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Lê Ngọc Thanh vắng M lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị P và ông Lê Ngọc T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2004 (Giấy đăng ký số 23, quyển số 01/2004) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P và ông Lê Ngọc T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Lê Ngọc T, thấy rằng: bà P trình bày vợ chồng chung sống được 20 năm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Đối với ông T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông T đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Tại phiên tòa, ông T vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà P. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P.

[2.3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà P và ông T có 02 con chung tên Lê Thu T1, sinh ngày 15/10/2005 và Lê Bảo H, sinh ngày 31/3/2010. Xét thấy, cháu Lê Bảo H hiện do bà P đang nuôi dưỡng và cháu H có nguyện vọng là muốn sống cùng với mẹ. Ông T vắng mặt không có ý kiến gì về con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định của cháu nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng

xét xử xét cần giao cháu H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà P và ông T ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét

[2.5] Về tài sản chung: bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: bà P xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Lê Ngọc Thanh vắng M tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Trường hợp sau này giữa bà P và ông T có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Ngọc T.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Ngọc T.
2. Về quyền nuôi con chung: bà Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo H, sinh ngày 31/3/2010.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: bà P không yêu cầu ông Lê Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: bà P xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006954 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Hoằng Đại, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Kim Thắm